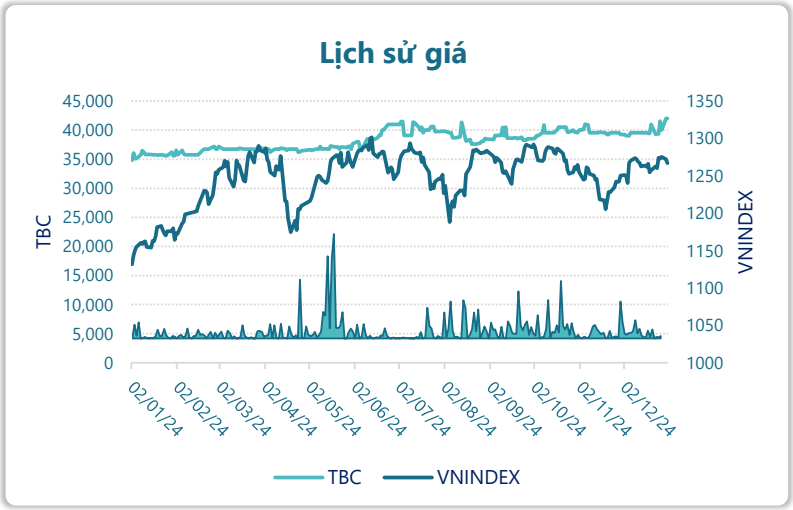
FireAnt

CTCP Thủy điện Thác Bà (HSX: TBC)



Thông tin giao dịch	31/12/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	**42,000**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	42,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	34,829
SL cổ phiếu LH	63,500,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,390
% sở hữu nước ngoài	1.5%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	2,667
P/E	15.0
EPS	2,804

DT thuần

Q4/24

136

tỷ VNĐ

QoQ: ▼57.0| -29.4%

YoY: ▲ 27.0| 25.1%

LN sau thuế

Q4/24

48.8

tỷ VNĐ

QoQ: ▼50.5| -50.8%

YoY: ▲ 10.8| 28.5%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

51.0%

+/- YoY: ▲ 0.6%

DT thuần

2024

539

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 108| 25.0%

LN sau thuế

2024

229

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 60.0| 35.6%

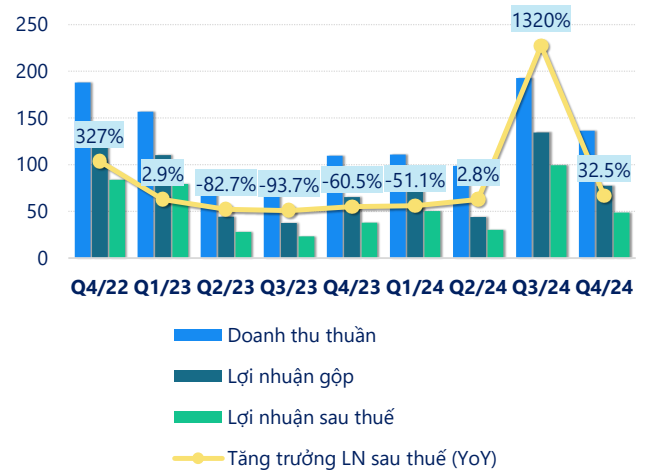
ROE

2024

13.2%

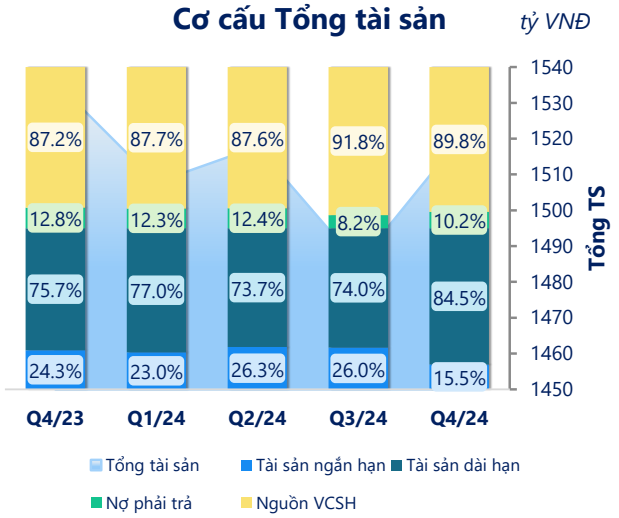
+/- YoY: ▲ 3.9%

Kết quả kinh doanh



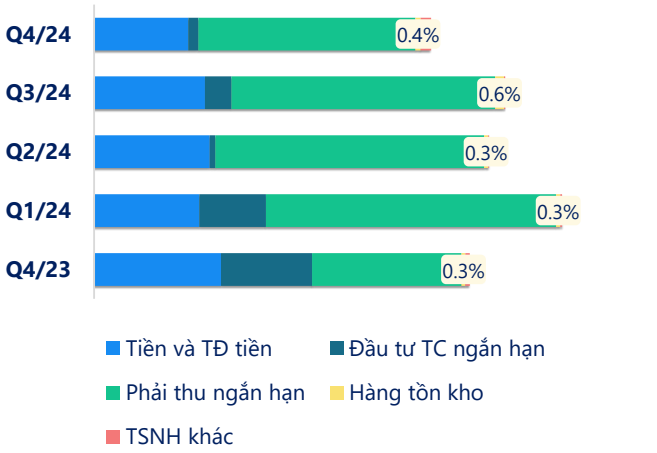
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



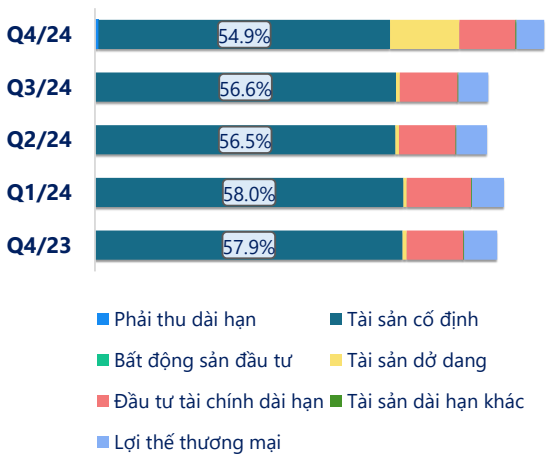
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



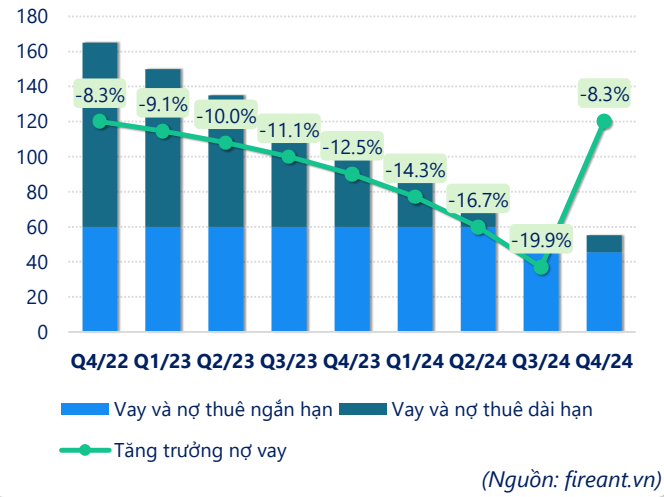
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



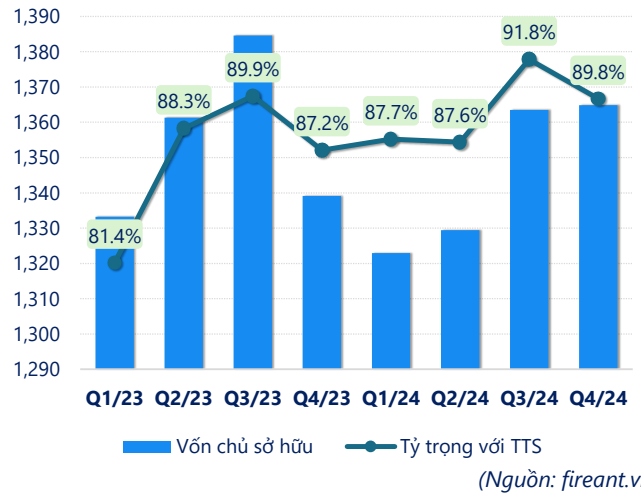
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



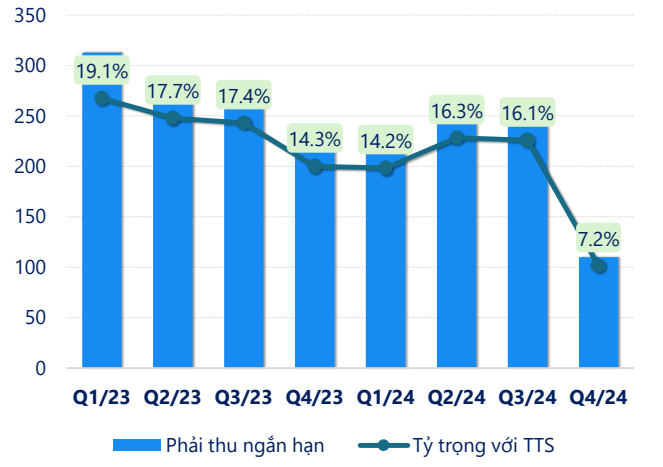
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



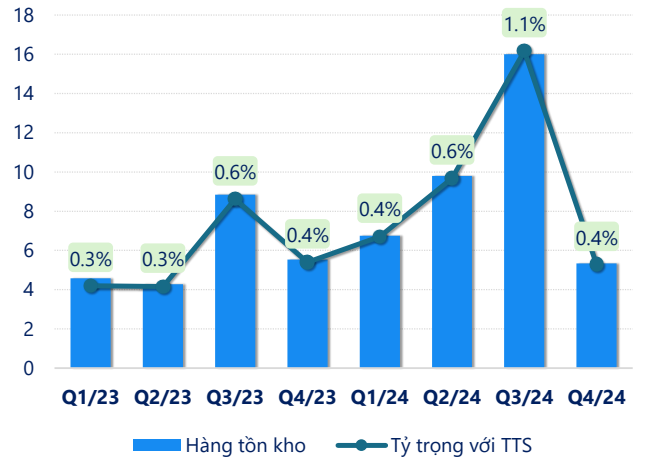
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



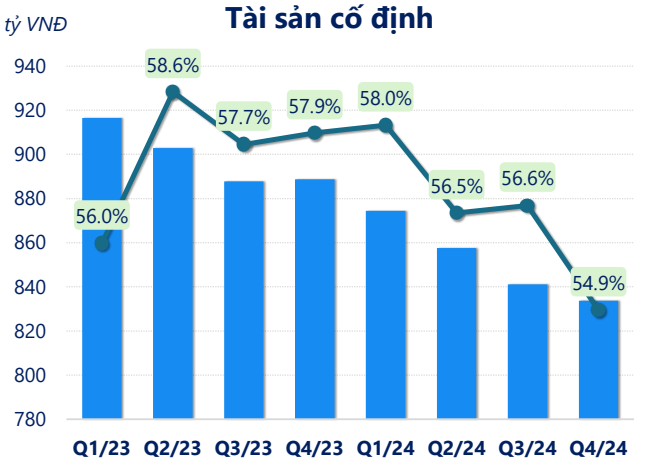
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



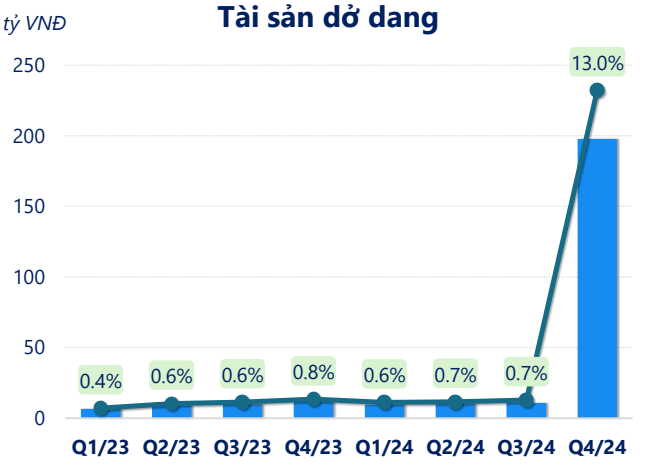
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



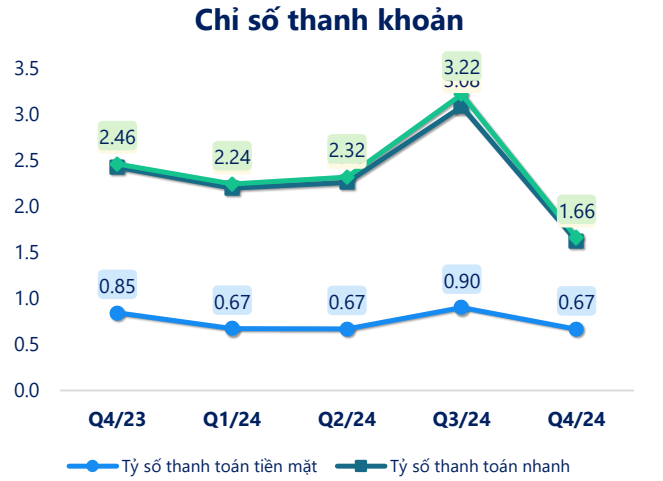
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



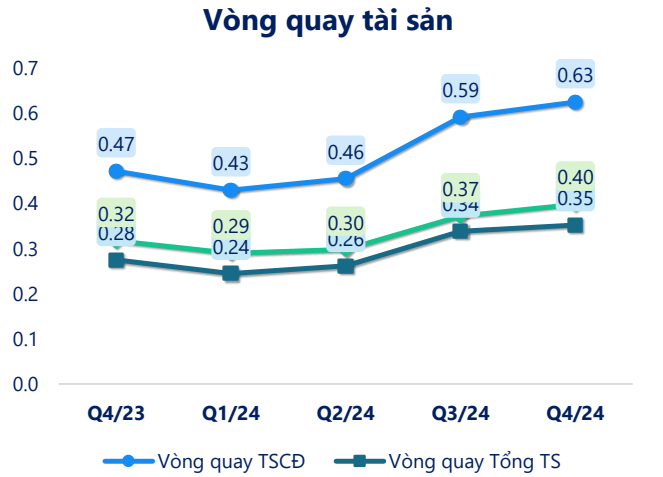
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Tổng tài sản	**1,536**	**1,508**	**1,518**	**1,485**	**1,520**
Tài sản ngắn hạn	**374**	**348**	**399**	**387**	**235**
Tiền và tương đương tiền	128	104	115	108	94.3
Đầu tư tài chính ngắn hạn	10.0	22.0	25.7	22.2	22.0
Phải thu ngắn hạn	219	214	247	240	110
Hàng tồn kho	5.53	6.74	9.79	16.0	5.34
Tài sản ngắn hạn khác	10.4	0.83	0.61	0.58	3.75
Tài sản dài hạn	**1,162**	**1,160**	**1,119**	**1,098**	**1,284**
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	10.0
Tài sản cố định	889	874	858	841	834
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	11.6	9.46	9.97	10.7	198
Đầu tư tài chính dài hạn	163	182	162	161	160
Tài sản dài hạn khác	2.88	2.47	2.38	2.00	3.30
Lợi thế thương mại	95.6	91.5	87.4	83.3	79.2
Nợ phải trả	**197**	**185**	**188**	**122**	**155**
Nợ ngắn hạn	**152**	**155**	**172**	**120**	**142**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	60.0	60.0	60.0	60.0	45.4
Phải trả người bán ngắn hạn	4.29	1.86	7.62	9.86	27.0
Nợ dài hạn	45.0	30.0	16.3	1.49	13.2
Vay và nợ thuê dài hạn	45.0	30.0	15.0	0.10	9.68
Nguồn vốn chủ sở hữu	**1,339**	**1,323**	**1,329**	**1,363**	**1,365**
Vốn chủ sở hữu	**1,339**	**1,323**	**1,329**	**1,363**	**1,365**
Vốn điều lệ	635	635	635	635	635
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)